



VIỆN VIỆT-HỌC

Giảng-khoa : ĐẠI-CƯƠNG VỀ VĂN-HỌC VIỆT-NAM

Giáo-sư phụ-trách : Nguyễn Sỹ-Tế

TIẾT 2

ĐẠI-CƯƠNG VỀ CÁC TRUYỆN NÔM CỔ

I. VĂN-HỌC-SỬ – VI-TRÍ CỦA TRUYỆN NÔM TRONG VĂN-HỌC-SỬ VIỆT-NAM

1. **Văn-chương truyền-khẩu** – Văn-học Việt-Nam từ xa xưa bắt đầu bằng một thời-kỳ kéo dài đắm chìm trong đường lối truyền-khẩu vì chưa có văn-tự riêng. Đó là thời-kỳ văn-chương truyền-khẩu, nặng tính-chất bình-dân nhưng cũng tạo nên một kho tục-ngữ, ca-dao, truyện cổ-tích rất phong-phú và rất có giá-trị khiến sau này khá nhiều người còn mô-phỏng. (Xem TIẾT 1. VĂN-CHƯƠNG TRUYỆN-KHẨU.)

2. **Văn-chương chữ nôm** – Văn-chương này được thực-hiện bằng một thứ chữ viết riêng gọi là chữ nôm. Chữ nôm do các nhà nho nối tiếp nhau tạo-thành bằng cách tháo rời các bộ-phận của chữ Hán, ghép lại để phiên-âm từng tiếng một của dân-tộc ta. Công cuộc này làm theo lề-lối và tinh-thần riêng, nên ta có thể coi chữ nôm là thứ chữ viết đặc-biệt của nước ta.

Chữ nôm được sáng-chế từ lúc nào, chưa có sử-sách nào cho biết rõ, tuy chữ Hán đã được giảng-dạy từ rất lâu tại nước nhà. Điều chắc-chắn hồi thế-kỷ XIII, nó đã ở vào mức phát-đạt và người đầu-tiên sử-dụng chữ nôm để trước-tác thơ văn là Hàn-Thuyên hồi hậu-bán thế-kỷ XIII, dưới đời Trần.

3. **Văn-chương chữ quốc-ngữ** – Thứ chữ viết này được các nhà truyền-giáo Tây-phương mượn mẫu-tự và âm La-tinh để viết tiếng Việt, kể từ thế-kỷ XVI. Vì nó phát-triển và kiện-toàn chậm chạp, lại giới-hạn trong mấy thế-kỷ đầu vào công-cuộc giảng kinh và truyền giáo, cho nên phải đến hậu-bán thế-kỷ XIX, nó mới bắt đầu được các tác-giả Việt-Nam sử-dụng thay chữ nôm. Văn-chương chữ quốc-ngữ bắt đầu từ lúc này. (Xem TIẾT 10 – CÔNG-CUỘC XÂY-DỰNG VÀ PHÁT-TRIỂN VĂN-HỌC CHỮ QUỐC-NGỮ.)

4. **Truyện nôm cổ** – Đây là một bộ-phận quan-trọng rất được phổ-biến của nền văn-chương chữ nôm. Thể-loại này nối-tiếp dòng truyện cổ-tích của nền văn-chương truyền-khẩu. Một số truyện cổ đã xuất-hiện từ trước khi có chữ nôm thành-tựu nhưng không rõ năm, tháng. Chắc rằng các nhà nho, kể từ hậu-bán thế-kỷ XIII, đã dùng chữ nôm, theo gót Hàn-Thuyên, để viết lại những câu truyện cũ và sáng-tác những truyện mới. Lịch-sử các truyện nôm đã kéo dài như thế. Cho đến thế-kỷ XVIII, nhiều truyện nôm đã đạt tới mức trưởng-thành với những tác-phẩm hữu-danh. Vậy ta có thể hiểu danh-từ truyện nôm cổ như là những pho truyện nôm cũ không để lại tên tác-giả, từ khởi-thủy cho đến thế-kỷ XVIII khi những truyện Nôm thông-thái có mang tên tác-giả xuất-hiện.

II. KIỂM-ĐIỂM CÁC TRUYỆN NÔM CỔ

Kiểm-điểm các truyện nôm cổ theo nghĩa những truyện nôm không để lại tên tác-giả từ thế-kỷ XVIII trở về trước, ta có thể liệt-kê: Trê Cóc, Lục-Súc Tranh Công, Quan-Âm Thị-Kính, Tống-Trân, Phạm-Công Cúc-Hoa, Phan Trần, Nhị-Độ-Mai... và Bích-Câu Kỳ-Ngộ. Cuốn truyện kê sau cùng này là một tác-phẩm văn-chương có giá-trị ngang bằng với nhiều truyện nôm hữu-danh về sau, tiếc rằng không để lại tên tác-giả nên thường được xếp vào loại truyện nôm cổ.

1. **Trê Cóc** – Đây là một câu truyện ngụ-ngôn lấy cảnh sống của loài vật nơi ruộng đồng với ẩn-ý chuyển sang chuyện con người mà khuyên-răn họ hiểu nên sống hòa-thuận với nhau, tránh tranh-chấp vô bổ, tránh kiện-tụng nơi cửa quan vì như vậy chỉ làm giàu cho túi tham của nha-lại.

Truyện bày đặt ra một cuộc tranh-tụng giữa con cá trê và hai vợ-chồng con cóc. Vợ cóc đẻ ra một đàn nòng-nọc ở bờ ao. Cá trê nhận vợ là con của mình. Cóc thừa kiện lên quan. Quan lại vốn tham-ô được trê dứt lốt nên xử cho trê được kiện, Cóc nghe lời nhái bèn là cứ đợi chờ sẽ thấy một lúc kia nòng-nọc sẽ đứt đuôi và hiện nguyên hình cóc. Quả thật chuyện xảy ra như thế. Cóc bèn kiện lại trê và thắng cuộc. Trê phải chịu tội.

(Truyện trên 400 câu lục-bát, có mấy đoạn trích in trong sách Việt-Nam Thi-Văn Hợp-Tuyển của Dương Quảng-Hàm, trang 12 –15).

2. **Lục-Súc Tranh Công** – Lại thêm một truyện ngụ-ngôn khác. Sáu con vật nuôi trong nhà tranh công nhau kể ơn với chủ: Trâu cấy ruộng cho chủ có gạo ăn; Chó giữ nhà cho chủ; Ngựa đưa chủ đi mọi nơi; Dê dùng để tế-thần; Gà gáy sáng đánh thức chủ; Lợn cho chủ làm cỗ bàn.

(Truyện gồm 452 câu lục-bát, có các đoạn trích trong Việt-Nam Thi-văn Hợp-tuyển của Dương Quảng-Hàm, trang 41 – 42, và được dịch toàn-bộ ra Anh-ngữ do Huỳnh Sanh-Thông, đăng trong Vietnam Review, số 4 – 1998).

3. **Quan-Âm Thị-Kính** – Truyện lấy sự-tích trong dân-gian về một người nữ suốt đời bị mắc oai, Thị-Kính. Lần thứ nhất, bà cầm dao toan cắt một sợi râu mọc ngược cho chồng lúc ngủ, bị nhà chồng vu cho tội mưu-sát và cho ra khỏi nhà. Bà bèn cải-trang làm đàn ông để đi tu tại một ngôi chùa. Ở đây có ả Thị-Mầu thường lui tới, sinh ra mê bà. Bị bà cự-tuyệt, Thị-Mầu dan-dú với kẻ khác mà mang thai nên bà lại mắc nạn người ta vu-oan cho bà là dâm-dãng. Thị-Mầu sinh con trai thì trao cho bà. Thị-Kính phải nuôi con của Thị-Mầu. Đến lúc đứa bé lớn khôn thì bà chết để lại một bức thư cho mẹ. Nhờ thư đó, bà được rửa oan khi người ta thấy rõ bà là nữ-giới. Bà lấy lại được thanh-danh cho gia-đình. Bà đã đắc-đạo thành Phật Quan-Âm. Câu truyện rất thương-tâm. Và những cái oan của bà Thị-Kính quả là tầy trời. Nên dân-gian có câu nói: “*Oan như oan Thị-Kính*”.

(Truyện gồm 786 câu lục-bát được lược-truyện và trích-đoạn trong Việt-Nam Thi-Văn Hợp-Tuyển của Dương Quảng-Hàm, trang 22 – 26).

4. **Tống-Trân** – Lược-truyện : Tống-Trân mồ-côi cha, nhà nghèo, phải dắt mẹ đi ăn mày. Chàng gặp một cô con gái nhà giàu đem lòng thương yêu, nàng Cúc-Hoa. Cha nàng bắt được, buộc Tống-Trân phải lấy Cúc-Hoa làm vợ và đuổi họ ra khỏi nhà. Cúc-Hoa đảm-đang gánh vác mọi công-việc nhà chồng cho chàng ăn học. Tống-Trân thi đậu trạng-nguyên. Nhà vua muốn gả công-chúa cho chàng nhưng Tống-Trân từ-chối. Vua bèn cử chàng đi sứ mười năm ở nước Tần. Tống-Trân lại đậu trạng-nguyên ở nước đó. Vua Tần định gả công-chúa cho chàng nhưng chàng cũng từ-chối. Ở quê nhà Cúc-hoa cũng bị hoạn-nạn. Trưởng-giả ép nàng lấy chồng khác, Cúc-

Hoa không nghe, bị đuổi xuống ở chuồng trâu cùng mẹ chồng. Cúc-Hoa bỏ nhà ra đi toan tự-vẫn được thần-linh cứu sống và giúp nàng đưa thư sang cho chồng còn ở Tần. Trở lại nhà, Cúc-Hoa bị cưỡng-ép làm lễ cưới, nàng lại chuẩn-bị tự-vẫn thì Tống-Trân về. Ân oán trả xong xuôi, Tống-Trân sum-họp gia-đình với mẹ và vợ, sống trong vinh-hiến. Sau chàng gặp lại công-chúa nước Tần đã cứu chàng lúc trước. Cúc-Hoa bằng lòng để Tống-Trân cưới thêm công-chúa làm vợ thứ.

Truyện Tống-Trân bắt nguồn từ một sự-tích dân-gian của một người tên Tống-Trân, sinh sống tại đồng-bằng sông Hồng-hà, có mộ và đền thờ ở đó. Truyện gồm 1680 câu, đề cao *trung, hiếu, tiết, nghĩa*.

5. **Phạm-Công Cúc-Hoa** – Lược-truyện : Phạm-Công mồ-côi cha, nhà nghèo phải dắt mẹ đi ăn mày. Sau có cơ-hội đi học. Gặp con gái của một ông Tri-phủ tên gọi Cúc-Hoa thương yêu. Cha mẹ nàng gả nàng cho Phạm-Công. Chàng đi thi đậu trạng-nguyên. Nhà vua ép chàng lấy công-chúa nhưng chàng từ-chối. Vua bèn đẩy chàng sang Hung-nô. Ở nước này Phạm-Công lại đậu trạng-nguyên và bị ép lấy công-chúa. Chàng chối-từ thì bị cực-hình. Ngọc-Hoàng thương-đế sai thần-linh xuống cứu được lành-lặn. Bị đẩy sang đất mới, chàng lại đậu trạng-nguyên một lần nữa. Vua nước này mưu gả công-chúa cho chàng. Chàng từ-chối lại bị cực-hình, may-mắn được công-chúa xin cho chàng được khoan-hông trở về nước. Về nhà, mới biết Cúc-Hoa đã chết để lại hai con thơ. Được nhà vua cử đi đánh giặc, Phạm-Công mang xác vợ và đem theo hai con ra chiến trường. Tướng giặc thấy thế thì lui binh. Sau Phạm-Công, theo báo mộng của Cúc-Hoa, lấy vợ khác là Tào-Thị. Mấy năm sau chàng lại được phái đi làm quan ở nơi xa. Tào-Thị sinh tâm lang-sói nên tư-tình với một người khác và đuổi hai con vợ trước đi khỏi nhà. Cúc-Hoa hiện hồn cứu hai con, viết thư gài vào túi áo con để gửi cho chồng. Phạm-Công trở về đuổi Tào-Thị. Giữa đường về quê mẹ, Tào-Thị bị thiên-lôi đánh chết. Phạm-Công trở lại triều-đình gần-gũi công-chúa. Thương nhớ Cúc-Hoa, chàng quyết-tâm đi tìm nàng nơi thế-giới bên kia. Chàng tìm được ở một nơi an-lành cõi âm. Diêm-vương, vua âm-phủ, cho Cúc-Hoa trở về dương-thế sum-họp với Phạm-Công và con cái.

Câu truyện cũng tương-tự như câu truyện trên về ý-nghĩa đạo-đức cổ-truyền cũng như về hoàn-cảnh nhân-vật và một số tình-tiết. Đây là một câu truyện nôm dài bậc nhất, dài tới hơn 4000 câu.

6. **Phan Trần** – Truyện này soạn theo sự-tích bên Tàu, đời nhà Tống, thế-kỷ XII. Truyện kể lại cuộc tình trắc-trở giữa công-tử họ Phan, tên Tất-Chánh và tiểu-thư họ Trần, tên Kiều-Liên vốn được cha mẹ hứa-hôn cho nhau khi còn trong bụng mẹ thời Phan-công và Trần-công làm quan đồng-liêu với nhau. Trần-công mất. Giặc-giã nổi lên. Kiều-Liên thất-lạc mẹ đi tu ở một ngôi chùa và lấy tên là Diệu-Thường. Ngôi chùa này do bà cô của Tất-Chánh trụ-trì. Tất-Chánh đến thăm cô không hay biết Diệu-Thường là Kiều-Liên nên đem lòng say mê tới ốm tương-tư nặng. Sư bà đành nhờ Diệu-Thường thuốc thang săn-sóc. Nhân đó, Kiều-Liên để tránh né Tất-Chánh, kể lai-lich của nàng cho chàng nghe. Hai bên nhận nhau. Kết-cục, hai người được cha mẹ cho kết-hôn với nhau sau khi sư bà cho Kiều-Liên hoàn-tục. Đồng-thời Kiều-Liên còn được đoàn-tụ với mẹ đang nương-thân tại nhà họ Phan. (Tìm đọc các đoạn trích trong Việt-Nam Thi-Văn Hợp-Tuyển của Dương Quảng-Hàm, trang 16- 21).

Về mặt luân-lý, Phan Trần bị một số người chê-trách: *-Tất-Chánh mê Diệu-Thường sinh bệnh tương-tư, toan bề tự-vẫn. – Chàng đã quên lời nguyện-ước của cha hứa hôn với Kiều-Liên. Bởi thế, người xưa có câu khuyên-răn:*

*Đàn ông chớ kể Phan Trần,
Đàn bà chớ kể Thúy-Vân Thúy-Kiều.*

(Thúy-Kiều trong truyện của Nguyễn-Du là một cô gái lãng-mạn, tham-lam tình-ái, đổi tình-lang một cách dễ-dàng từ Kim-Trọng qua Thúc-Sinh đến Từ-Hải và mắc lừa lời dụ-dỗ của Sở-Khanh).

Có thể là Khái-Hưng đã lấy nguồn cảm-hứng trong truyện Phan Trần mà viết nên một cuốn truyện tình lý-tưởng, hợp thời mới hơn, Hồn Bướm Mơ Tiên. (Tìm đọc trong tủ sách nhà trường cuốn Hồn Bướm Mơ Tiên của Khái-Hưng mới được in lại).

7. **Nhị-Độ-Mai** – Truyện này soạn theo một cuốn tiểu-thuyết Tàu nhan-đề “Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa Nhị-Độ-Mai”. (Nhị-Độ-Mai : hoa mai nở hai lần, ý nói hai lần có điềm lành). Câu truyện bày ra sự xung-đột giữa một bên là trung-thần và người lương-thiện, bên kia là gian-thần và những kẻ ác-tâm. Trung-thần chính là Mai-công và Trần-công, hai người bạn thân. Bọn gian-thần có Lư-Kỷ, Hoàng-Tung. Người con trai của họ Mai (Lương-Ngọc) và người con gái họ Trần (Hạnh-Nguyên) phải trải qua không biết bao nhiêu là hoạn-nạn, lưu-lạc khắp nơi, nếm mọi điều oan-khổ, Lương-Ngọc tự-vẫn được cứu, Hạnh-Nguyên đi cống sang Phiên (HỒ). Cuối cùng nhờ có trung-thần giúp đỡ, học trò nổi loạn chống trường thi và tố-cáo bọn gian-thần với nhà vua. Vua nghe lời sai giết Lư-Kỷ, Hoàng-Tung. Đôi trai gái họ Mai và Trần được thoát-hiểm rồi sum-hợp vợ chồng trong vinh-hiến.

Truyện gồm 2820 câu. Cốt truyện khúc-mắc, phức-tạp, lời văn bình-dị. Chủ-đề tổng-quát “Cuộc tranh-chấp giữa trung-thần và gian-thần cũng tương-tự như nhiều cuốn truyện cũ khác. Luân-ly vẫn là luân-ly xoay chung quanh bốn chữ Trung (quân), Hiếu (cha mẹ), Tiết (trong sạch, trọn vẹn), Nghĩa (giữ-gìn đền-đáp mọi công-ơn).

(Xem lược-truyện đầy đủ và đọc các đoạn trích trong Việt-Nam Thi-Văn Hợp-Tuyển của Dương Quảng-Hàm, trang 30 – 36).

8. **Bích-Câu Kỳ-Ngộ** – Bốn chữ này có nghĩa là cuộc gặp gỡ lạ-thường bên dòng nước biếc. Nước biếc ở đây chỉ sông Tô-Lịch, Hà-Nội.

Chủ-đề của Bích-Câu Kỳ-Ngộ là một chủ-đề thần-kỳ về một mối duyên-tình giữa một thư-sinh ở cõi trần (Tú-Uyên) và một nàng tiên dạo chơi đất Thăng-Long (Giáng-Kiều). Gặp nhau rồi xa nhau, lại tái-hợp để cuối cùng để lại đứa con ở lại trần mà cùng nhau bay về cõi tiên hưởng hạnh-phúc đời đời.

(Xem lược-truyện trong Việt-Nam Thi-Văn Hợp-Tuyển của Dương Quảng-Hàm, trang 27 – 28 và mấy đoạn trích ở đó).

Sự-tích xảy ra dưới đời Hậu Lê (thế-kỷ XV – XVIII), tương-đối không xa ngày nay là bao. Nhiều tác-giả cuối đời Lê có viết lại sự-tích bằng chữ Hán, chẳng hạn Đoàn Thị Điểm.

Bích-Câu Kỳ-Ngộ gồm 648 câu. Nội-dung rất đặc-biệt đưa ra một cuộc phối-hợp giữa hai nhân-vật thuộc hai thế-giới là hạ-giới và bồng-lai, có phần giống như những chuyện hoang-đường trong lịch-sử. Hình-thức khá bóng-bẩy, tài-tình, điêu-luyện ngang bằng với những tác-phẩm của thế-kỷ XIX, chẳng hạn Đoạn-Trường Tân-Thanh của Nguyễn-Du, Sơ-Kính Tân-Trang của Phạm-Thái. Nhưng vì Bích-Câu Kỳ-Ngộ không để lại tên tác-giả và sự-tích xảy ra dưới đời Hậu Lê, nên thường được xếp vào loại truyện nôm cổ.

(Cuối tiết này có một đoạn trích Bích-Câu Kỳ-Ngộ để làm bài giảng-văn).

9. **Kết-luận** – Truyện nôm cổ là một phần đặc-biệt trải dài trong thời-kỳ văn-chương ta được thực-hiện bằng chữ nôm) từ ban đầu (và có thể từ trước nữa) đến cuối đời hậu Lê (thế-kỷ XVIII). Điều đáng ghi nhớ là phần văn-chương này - truyện nôm cổ - đều không để lại tên tác-giả và đều được viết theo thể văn vần là *thể lục-bát* và *lục-bát biến-thể*. Do công-dụng chuyên-biệt đó, người xưa gọi lục-bát là thể “*truyện*” (để viết truyện).

Nói chung về nội-dung và hình-thức, truyện nôm cổ đã tiến rất xa từ bước đầu đến thế-kỷ XVIII, từ thô-sơ bình-dị tới sâu-sắc văn-vẻ hơn. Có thể nói truyện nôm cổ đứng lưng-chừng giữa văn-chương bình-dân và văn-chương bác-học.

III. VĂN-THỂ – LỤC-BÁT VÀ LỤC-BÁT BIẾN-THỂ

1. **Lục-bát** – Lục-bát là thể văn vần riêng biệt của văn-chương Việt-Nam. Chưa có thuyết nào xác-thực nói về nguồn-gốc của nó. Chắc-chắn là người xưa có chịu ảnh-hưởng của văn vần nước ngoài, nhất là của thi ca Trung-Quốc, chẳng hạn, thơ lục-ngôn cổ-phong, câu bát-tự (tám chữ) của phú Đường-luật.

a) **Số chữ trong câu và số câu trong bài** – Bài lục-bát bắt đầu bằng câu 6 chữ, tiếp theo là câu 8 chữ, rồi lại 6 chữ và 8 chữ cho đến hết. Số câu không hạn-định là 4, 6, 8 câu ...hay tràng-thiên.

b) **Cách gieo vần** – Lục-bát chỉ dùng *vần bằng*. Vần bằng đó có thể là *thanh nổi* (không có dấu) hoặc *thanh chìm* (mang dấu huyền). Vị-trí của vần trong câu như sau: Chữ cuối câu 6 vần với chữ thứ 6 câu 8; chữ cuối câu 8 vần với chữ cuối câu 6 tiếp theo và tiếp-tục như cũ.

1, 2, 3, 4, 5, vân₁ ,
 1, 2, 3, 4, 5, vân₁ , 7, vân₂ .
 1, 2, 3, 4, 5, vân₂ ,
 1, 2, 3, 4, 5, vân₂ , 7, vân₃ .

Thí-dụ:

- 1- Trăm năm trong cõi người ta ,
- 2- Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau !
- 3- Trái qua một cuộc bể đâu ,
- 4- Những điều trông thấy mà đau đớn lòng . (Kiều).

Chú-ý: Hai *vần bằng* khác nhau trong câu 8 phải khác *thanh* nhau, bên *nổi* thì bên *chìm* và ngược lại. Đây là điều-kiện bắt-buộc. Chẳng hạn, trong thí-dụ trên đây, hai chữ là và nhau trong câu 2, và hai chữ đau và lòng trong câu 4.

c) **Cách ghép âm trong câu** – Theo mô-hình chính-thức, người ta ghép đôi âm bằng và đôi âm trắc lần-lượt tiếp nhau:

B B - T T - B B_v
 B B - T T - B B_v - T B .

Tuy-nhiên, để giảm hạ cái khát-khe của luật âm đó, có ngoại-lệ cho phép những chữ thứ 1, 3, 5, 7 trong câu không buộc phải là *bằng* hay *trắc*. Thí-dụ trên kia: chữ thứ 3 trong câu 1 (trong) ; chữ thứ 1 và 5 trong câu 2 (chữ và khéo); chữ thứ 1 và 5 trong câu 3; chữ thứ 1 và 3 trong câu 4.

2. **Lục-bát biến-thể** – Để tạo ra những cung-cách biến-đổi của lục-bát chính-thức, nhiều nhà thơ đã:

a) **Thay đổi số chữ trong câu** - Thí-dụ:

(Câu 6): - Nước xanh trong lơ-lửng (cái con) cá vàng , (9 chữ)

(Câu 8): - Cây ngô cành bích (cái con) chim phượng-hoàng (nó lại) đậu cao. (13 chữ)

- Sông Thương nước chảy đôi dòng, (Hát xẩm)

- Đèn khêu đôi ngọn anh trông ngọn nào.

(Câu 6): - Muốn tắm mát (ai ơi) lên ngọn (cái con) sông (thì) Đào, (12 chữ)

(Câu 8): - Muốn ăn xim chín (ai ơi) thì vào rừng xanh. (10 chữ), (Hát xẩm)

b) **Đổi số chữ câu ra số lẻ câu bằng cách thêm một câu lục vào cuối bài** (hay là đoạn)

- Thí-dụ:

- Chơi cho lịch mới là chơi,

- Chơi cho đài-các cho đời biết tay

- Tài-tình dễ mấy xưa nay !

(Nguyễn Công-Trứ, mở-hậu bài hát Cầm Kỳ Thi Tửu)

c) **Đổi vị-trí của yêu-vận** (vần lưng-chừng) **câu 8** - Thí-dụ:

(Câu 6): - Trèo lên cây bưởi hái hoa ,

(Câu 8): - Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân. (vị-trí 4)

(Ca-dao, vần cà đặt ở vị-trí 4, thay-vì 6)

IV. GIẢNG-VĂN MẪU

TỨ-UYÊN MÁC BỆNH TƯƠNG-TỨ

(Trích Bích-Câu Kỳ-Ngộ – In trong Việt-Nam Thi Văn Hợp-Tuyển của Dương Quảng-Hàm, trang 28).

- 163 *Nỗi nàng canh-cánh nào quên,
Vẫn còn quanh-quất giắc tiên khéo là!
Bướm kia vương lấy sấu hoa,
Đoạn tương-tư ấy nghĩ mà buồn tênh!
Có khi gảy khúc đàn tranh,*
- 168 *Nước non ngao-ngán ra tình hoài nhân.
Cầu hoàng tay lựa nên vần,
Tương-Như lòng ấy, Văn-Quân lòng nào.
Có khi mượn chén rượu đào,*
- 172 *Tiệc môi chưa cạn, ngọc dao đã đầy.
Hơi men chưa nhấp đã say,
Như xông mùi nhớ, như gảy giọng tình.
Có khi ngời suốt năm canh,*
- 176 *Mỡ quyên điểm nguyệt, chuông kênh nện sương.
Ởi tai những tiếng đoan-trường,
Lửa tình dễ nguội, sông Tương khôn hàn.
Có đêm ngắm bóng trăng tàn,*
- 180 *Tiếng quyên hót sớm, trận nhàn bay khuya.*

*Ngổn-ngang cảnh nợ tình kia,
Nỗi riêng riêng biết dãi-dề với ai!
Vui xuân chung cả một trời,*

184 *Sầu xuân riêng nặng một người tương-tư.*

1. Xuất-xứ – Trích trong Bích-Câu Kỳ-Ngộ từ câu 163 đến câu 184. Sau đoạn Tú-Uyên thoảng gặp Giáng-Kiều, rồi sau đó nàng khuất dạng.

2. Thể-Tài – (văn thể) - Lục-bát chính-thức.

3. Đề-tài – (chủ-đề, đại-ý) – Chủ-đề là căn bệnh tương-tư của kẻ si-tình. Vì mất dạng Giáng-Kiều tiên-nữ, Tú-Uyên thư-sinh về nhà sinh ra ốm tương-tư nàng, nhìn thấy mọi sự-vật đều thấy buồn, tìm lãng quên trong việc chơi đàn uống rượu, ngồi không suốt năm canh, quên cả mùa xuân ở chung quanh.

4. Dàn ý – Có thể chia làm ba phần:

a. *Bốn câu đầu* - Nhìn chung căn bệnh tương-tư của Tú-Uyên; nhớ người đẹp khuất dạng; sầu tương-tư chiếm trọn thời gian của chàng.

b. *Mười sáu câu tiếp* – Kể ra mọi việc làm, mọi thời-gian sống, mọi cảnh-vật ngắm ... của Tú-Uyên.

c. *Hai câu cuối* – Khung-cảnh mùa xuân chung quanh mỗi sầu riêng của nhân-vật.

5. Từ-ngữ và chi-tiết – *Canh-cánh*: khắc-khoải, thường-trực, không lúc nào rời bỏ. - *Giấc tiên*: giấc ngủ mơ-màng thoát-tục, có thể chỉ là một “danh-từ thơ” để thi-vị-hóa giấc ngủ. - *Bướm, hoa*: chuyện bướm hoa, tức chuyện giao-tình giữa trai gái (Bướm: Tú-Uyên - Hoa: Giáng-Kiều) . - *Doan*: lúc, thời-gian, mẫu không-gian, ở đây chỉ căn-bệnh, tình-trạng. - *Đàn tranh*: một thứ đàn có bầu đàn là một cái hộp hình chữ-nhật dài, sử-dụng nhiều dây tương-tư như đàn thập-lục hay tam-thập-lục - *Hoài nhân*: nhớ người. - *Cầu hoàng*: toàn chữ là bản “Phượng cầu kỳ hoàng”, khúc đàn của Tư-mã Tương-Như, người đời nhà Hán gảy cho nàng Trác Văn-Quân, một người đàn bà đẹp, nghe. Phượng là chim phượng chỉ người đàn ông; hoàng là chim hoàng chỉ người đàn bà. - *Rượu đào*: rượu bồ-đào (nhỏ). - *Ngọc dao*: cây quỳnh, người có phong-tư đẹp tốt khác thường. Cả câu “Tiệc mỗi...đã đầy”: chưa dùng xong mâm tiệc (mâm, bát, chén khảm đồi mồi) mà đã thấy bóng hình người đẹp choán ngập. - *Mỡ quyên*: mỡ đểo hình chim quyên. - *Chày kinh*: chày nện chuông khắc hình con cá kinh. Hai danh-từ ghép lại: đêm khuya và rạng sáng. - *Sông Tương*: nghĩa bóng là nước mắt. Âm-chỉ tích bà Nữ-Anh ngày xưa khóc vua Thuấn bên bờ sông Tương, hoặc điển lấy trong bài thơ chữ Hán trong tình-sử:

*Quân tại Tương-giang đầu,
Thiếp tại Tương-giang vĩ,
Tương-tư bất tương-kiến,
Đồng ẩm Tương-giang thủy.*

Nghĩa :
Chàng ở đầu sông Tương,
Thiếp ở cuối sông Tương,
Nhớ nhau mà không thấy,
Cùng uống nước sông Tương.

- *Nhàn*: tức là chữ “nhận” đọc chạnh ra cho thành âm bằng.

6. Bình-luân - Ý: hay, súc-tích và chọn lọc. – Lời : đẹp, chải-chuốc, gấm hoa. Nhiều hình ảnh đẹp, nhiều danh-từ thơ. Âm điệu: du-dương đầy nhạc-tính, kiểu-mẫu của thi ca cổ-điển, khuôn-mẫu. Nhìn chung: khá thành-công.

V. CÂU HỎI KIỂM-SOÁT VÀ ĐỀ-TÀI ĐỀ-NGHI

a) **CÂU HỎI** –

1. Hai danh-từ “*chữ viết và văn tự*” có đồng-nghĩa không ?
2. Văn-chương và văn-học có khác nhau không ?
3. Truyện nôm cổ trải dài trong khoảng thời-gian nào ?
4. *Văn-thể* và *thể-tài* khác nhau ra sao ?
5. Âm “*nôm*” đọc chạnh từ âm nào mà thành ?
6. Truyện *ngụ-ngôn* là gì ?
7. Giảng bốn chữ *Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa*.
8. Danh-từ “*văn vần*” và danh-từ “*thơ*” có khác nhau không ?
9. Tìm danh-từ đồng-nghĩa với danh-từ “*đạo-đức*”.
10. Tìm những chữ đồng-nghĩa với : *tiên-cảnh, hạ-giới*.

b) **ĐỀ-TÀI** – để suy-tư, triển-khai thành-văn. Chọn một trong các đề:

1. Kể lại một câu truyện ngắn (cổ-tích hay kim-thời) mà bạn còn nhớ.
2. Theo bạn, vì những lý-do nào người ta ham đọc truyện (tức tiểu-thuyết) hơn cả.
3. Triển-khai định-nghĩa sau đây: “Văn-chương là một nghệ-thuật sử-dụng ngôn-ngữ để đạt cảm-xúc, suy-tư và kinh-nghiệm về cuộc sống của tác-giả và xã-hội của mình”. Hãy dẫn-chứng bằng những gì bạn đã đọc (thi ca, tiểu-thuyết hay sân-khấu).
4. Trình-bày những điều-kiện thúc-đẩy văn-học tiến-hóa không ngừng.
5. So-sánh hai giai-đoạn thơ cùng chủ-đề *tương-tư*: Bích-Câu Kỳ-Ngộ (trên kia) và Đoạn-Trường Tân-Thanh của Nguyễn-Du (từ câu 259 đến câu 286).

c) **TẬP SÁNG-TÁC** (không bó-buộc) -

Tập làm một bài thơ lục-bát, đề-tài tự-do, không hạn số câu.

